

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số tín chỉ: 03

Mã số: VCP131

Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên rừng

Thái Nguyên, 2018

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Revolutionary Orientation and Policies of Vietnamese Communist Party
- Mã số học phần: VCP 131
- Số tín chỉ: 03
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
Môn học tiên quyết:
Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (HP1, HP2), Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Bộ môn: Lý luận chính trị
- Khoa: Khoa học cơ bản
- Phân bố thời gian: 9 tuần
- Học kỳ: 5 (năm 3)
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Cơ bản		Cơ sở ngành		Chuyên ngành	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Thông tin về giảng viên:

Họ và tên	Học vị	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, email	Các hướng nghiên cứu chính
Dương Thị Kim Huệ	Thạc sĩ	Khoa Khoa học cơ bản – Trường ĐH Nông lâm Thái Nguyên	duongthikimhue@tuaf.edu.vn	Lịch sử Đảng, đường lối cách mạng của ĐCSVN
Phạm Tùng Hương	Thạc sĩ	Khoa Khoa học cơ bản – Trường ĐH Nông lâm Thái Nguyên	phamtunghuong@tuaf.edu.vn	Lịch sử Đảng, đường lối cách mạng của ĐCSVN

Ngô Thị Quang	Thạc sĩ	Khoa Khoa học cơ bản – Trường ĐH Nông lâm Thái Nguyên	ngothi quang@tuaf.edu.vn	Lịch sử Đảng, đường lối cách mạng của ĐCSVN
---------------	---------	---	--	---

III. Mô tả học phần:

Nội dung của học phần là: làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị nước ta; trình bày có hệ thống về những chủ trương, đường lối của Đảng qua các thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc và thời kỳ đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó tập trung chủ yếu vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay. Cùng với đó là những bài học lịch sử, kinh nghiệm được rút ra trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng. Từ đó, thấy được sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, về mọi mặt đối với cách mạng.

IV. Mục tiêu và chuẩn đầu ra

- Mục tiêu:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam, nội dung chính các đường lối của Đảng để lãnh đạo cách mạng Việt Nam trên những phương diện: đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá nội dung và hiệu quả của đường lối để chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
VCP131	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	c	a	a	a

Ghi chú:

- a: mức đáp ứng cao
- b: mức đáp ứng trung bình
- c: mức đáp ứng thấp

- không đáp ứng

- Chuẩn đầu ra của học phần (theo thang đo năng lực của Bloom):

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K 1	Định nghĩa về “Đường lối cách mạng của ĐCSVN”, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa môn học.	14a

K 2	Biết được quá trình Đảng ra đời và phương thức Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình.	14a
K 3	Hiểu được vai trò của Đảng CSVN trong hệ thống chính trị nước ta.	14a
K 4	Hiểu được hệ thống chủ trương của Đảng để lãnh đạo CMVN trên những phương diện cơ bản: đấu tranh GPDT, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại.	14a
K 5	Áp dụng kiến thức vào cuộc sống hàng ngày, phân tích lựa chọn giải pháp đúng đắn về các vấn đề xã hội, sự kiện đang diễn ra, nhất là những sự kiện, vấn đề có tác động mạnh đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, đến bản thân.	14a
Kĩ năng		
K 6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	13a, 14a, 15a
K 7	Tự tin thuyết trình trước đám đông	12c, 13a, 14a, 15a
K 8	Có thể phản biện khoa học những nhận định sai về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.	12c, 13a, 14a, 15a
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
K 9	Thái độ học tập, ứng xử tích cực. Tự giác và chủ động cao trong học tập, làm việc độc lập và thực hiện nhiệm vụ nhóm.	13a, 14a, 15a
K 10	Tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	13a, 14a, 15a
K 11	Quan tâm đến các vấn đề xã hội, nhận thức được trách nhiệm đóng góp của bản thân đối với xã hội.	13a, 14a, 15a
K 12	Xây dựng được thái độ sống tích cực, có niềm tin vào những giá trị tốt đẹp, biết lên án những hành động xấu, phản khoa học, biết hành động để lan tỏa những việc tốt ra cộng đồng.	13a, 14a, 15a

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình nêu vấn đề
- Đàm thoại
- Tổ chức học tập theo nhóm

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên chuẩn bị bài
- Sinh viên nghe giảng, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phát biểu, đặt câu hỏi.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

- Đối với giờ lý thuyết: Sinh viên tham gia ít nhất 80% số lượng tiết giảng.
 - Chuẩn bị cho bài giảng: sinh viên đọc trước bài giảng và tài liệu liên quan do giảng viên cung cấp, tự tìm hiểu các vấn đề liên quan tới giờ học, chuẩn bị các câu hỏi liên quan tới bài học.
 - Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, xây dựng bài, đặt câu hỏi những vấn đề chưa hiểu, chăm chỉ hoàn thành bài tập được giao.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Bảng 1. Ma trận đánh giá CDR của học phần

Các CDR của học phần	Chuyên cần	Giữa kỳ	Cuối kỳ
	(20%)	Bài kiểm tra (30%)	Thi trắc nghiệm 50(%)
K1	x		x
K2	x	x	x
K3	x	x	x
K4	x	x	x
K5	x		
K6	x		
K7	x		
K8	x		
K9	x	x	x
K10	x		x
K11	x		x
K12	x		x

Bảng 2. Rubric đánh giá học phần

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Tham dự các buổi học lý thuyết và thảo luận	80%	Tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự khoảng 70%-84% các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự khoảng 55%-69% các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự khoảng 41-54% các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự khoảng 20%-40% các buổi học lý thuyết và thảo luận
Thái độ học giờ lý thuyết và thảo luận	20%	Tích cực phát biểu xây dựng bài. Xung phong làm bài tập và làm tốt bài tập xung phong. Không làm việc riêng trong giờ học	Tương đối tích cực phát biểu xây dựng và có tinh thần xung phong làm bài tập tuy nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao.	Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời. 3 lần làm việc riêng trong giờ	Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu. 5 lần làm việc riêng trong giờ học.	Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Thường xuyên làm việc riêng

				học.		trong giờ học.
--	--	--	--	------	--	----------------

Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Tự luận	100%	Hiểu >85% kiến thức của 3 chương I,II,III. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Hiểu 70% - 84% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu 55%- 69% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu 40% - 50% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu <40% kiến thức của 3 chương I,II,III. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức của môn để trả lời câu hỏi

Rubric 3: Đánh giá cuối kỳ

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Trắc nghiệm trên máy	100%	Nắm vững những >85% kiến thức của môn học. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Nắm 70%-80% kiến thức nền tảng của môn học. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Nắm 50-60% kiến thức nền tảng của môn học. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Nắm 40-50% kiến thức nền tảng của môn học. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Nắm <40% kiến thức nền tảng của môn học. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức của môn để trả lời câu hỏi

Rubric 6: Đánh giá tự luận

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Tự luận	100%	Hiểu >85% kiến thức của 3 chương I,II,III. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Hiểu 70%- 84% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu 55%-69% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu 40% - 50% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu <40% kiến thức của 3 chương I,II,III. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức của môn để trả lời câu hỏi

Rubric 12: Đánh giá trắc nghiệm

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Trắc nghiệm trên máy	100%	Nắm vững những >85% kiến thức của môn học. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Nắm 70%-80% kiến thức nền tảng của môn học. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Nắm 50-60% kiến thức nền tảng của môn học. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Nắm 40-50% kiến thức nền tảng của môn học. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Nắm <40% kiến thức nền tảng của môn học. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức của môn để trả lời câu hỏi

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- Sách giáo trình/Bài giảng: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2017.
- Tài liệu tham khảo khác:
[1] Nguyễn Đức Bình, Một số vấn đề về công tác lý luận tư tưởng và văn hoá, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

[2] Bùi Thị Thu Hà (chủ biên), Giang Thiệu Thanh, Nam Hải, Mười một kỳ đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam: Những mốc son chói lọi, tập 1,2, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011.

[3] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 75 năm Đảng Cộng Sản Việt Nam, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.

[4] Đặng Xuân Kỳ, Mạch Quang Thắng, Nguyễn Văn Hoà, Một số vấn đề về xây dựng Đảng hiện nay, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

[5] Nguyễn Văn Sáu, Chủ trương của Đảng về xây dựng phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2013.

IX. Nội dung chi tiết của học phần :

Nội dung	CĐR chi tiết	Hoạt động dạy và học	Hoạt động đánh giá	CĐR học phần
<p>CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>0.1 Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu</p> <p>0.2 Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa môn “Đường lối cách mạng của ĐCSVN - Biết được ý nghĩa môn học 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Phát biểu ý kiến 	R1,R2,R3,R6,R1 2	K1
<p>Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG</p> <p>1.1 Hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của Đảng CSVN</p> <p>1.2 Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày sự ra đời tất yếu của ĐCSVN - Trình bày nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - Phân tích ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Cương lĩnh đối với tình hình đất nước hiện nay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Phát biểu ý kiến - Thảo luận - Thuyết trình 	R1,R2,R3,R6,R1 2	K2,K3,K6,K7,K8,K9,K10
<p>Chương 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẦU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)</p> <p>2.1 Chủ trương đấu tranh từ năm 1930- 1939</p> <p>2.2 Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nội dung Luận cương chính trị - So sánh giá trị thực tiễn của Cương lĩnh chính trị và Luận cương chính trị đối với cách mạng Việt Nam. - Khái quát đường lối đấu tranh giành chính quyền của Đảng giai đoạn 1930-1945 - Hiểu được kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Phát biểu ý kiến - Thảo luận - Thuyết trình 	R1,R2,R3,R6,R1 2	K2,K3,K4,K6,K7,K8,K9,K10

	- Vận dụng những bài học kinh nghiệm của 15 năm giành chính quyền vào tình hình đất nước hiện nay.			
CHƯƠNG 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐỂ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975) 3.1 Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 3.2 Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thống nhất Tổ quốc (1954 - 1975)	- Trình bày chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) - Trình bày đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954 và để quốc Mỹ (1954-1975) - Hiểu được kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của 2 cuộc kháng chiến. - Vận dụng những bài học kinh nghiệm của 2 cuộc kháng chiến vào tình đất nước hiện nay.	- Nghe giảng - Phát biểu ý kiến - Thảo luận - Thuyết trình	R1,R2,R3,R6,R12	K2,K4,K6,K7,K8,K9,K10
CHƯƠNG 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ 4.1 Đường lối công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới 4.2 Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới	- Hiểu và đánh giá được đường lối công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới - Trình bày mục tiêu, quan điểm, định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới. - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn ngành học trong thời đại 4.0.	- Nghe giảng - Phát biểu ý kiến - Thảo luận - Thuyết trình	R1,R3,R12	K4,K5,K6,K7,K8,K9,K10,K11
CHƯƠNG 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 5.1 Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường 5.2 Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta	- Hiểu và đánh giá được đường lối xây dựng nền kinh tế thời kỳ trước đổi mới. - Đánh giá được bản chất của nền kinh tế thị trường. So sánh với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta xây dựng. - Nhận thức được những kết quả, ý nghĩa của đường lối giai đoạn hiện nay. - Phân tích được tác động của thị trường với ngành học. - Áp dụng kiến thức vào tình hình thực tế.	- Nghe giảng - Phát biểu ý kiến - Thảo luận - Thuyết trình	R1,R3,R12	K4,K5,K6,K7,K8,K9,K10,K11
CHƯƠNG 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 6.1 Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945 -1985) 6.2 Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	- Hiểu và đánh giá được đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới. - Hiểu được hệ thống chính trị nước ta hiện nay. Vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị. - Trình bày mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới. - Vận dụng kiến thức vào tình hình thực tế.	- Nghe giảng - Phát biểu ý kiến - Thảo luận - Thuyết trình	R1,R3,R12	K3,K4,K5,K6,K7,K8,K9,K10,K11
CHƯƠNG 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ	- Hiểu và đánh giá được đường lối xây dựng phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã		R1,R3,R12	K4,K5,K6,K7,K8,K9,K10,K11,K

<p>VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI</p> <p>7.1 Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá</p> <p>7.2 Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội</p>	<p>hội thời kỳ trước đổi mới.</p> <p>- Phân tích một số chủ trương, chính sách lớn về phát phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội giai đoạn hiện nay.</p> <p>- Vận dụng chủ trương của Đảng vào thực tế đời sống.</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Phát biểu ý kiến</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- Thuyết trình</p>		12
<p>CHƯƠNG 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI</p> <p>8.1 Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986</p> <p>8.2 Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới</p>	<p>- Hiểu và đánh giá được đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới.</p> <p>- Phân tích một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.</p> <p>- Vận dụng quan điểm đối ngoại của Đảng để giải quyết các vấn đề của cuộc sống.</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Phát biểu ý kiến</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- Thuyết trình</p>	R1,R3,R 12	K4,K5,K6, K7,K8,K9, K10,K11,K 12

X. Hình thức tổ chức dạy học :

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết)					Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Tự học	
Chương mở đầu	1	0	1	0	2	3
Chương I	5	0	0	0	10	15
Chương II	4	0	1	0	10	15
Chương III	6	0	1	0	14	21
Chương IV	4	0	1	0	10	15
Chương V	5	0	1	0	12	18
Chương VI	4	0	1	0	10	15
Chương VII	4	0	2	0	12	18
Chương VIII	4	0	1	0	10	15
Tổng	36	0	9	0	90	135

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phòng học với sĩ số <80 sv
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Micro, máy chiếu, bảng.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

P.TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Nguyễn Thị Dung

ThS Dương Thị Kim Huệ

ThS Dương Thị Kim Huệ
ThS Phạm Tùng Hương